

## CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA Ở HỘI AN TRONG LỊCH SỬ

Nguyễn Chí Trung

**D**i dân đến những “*Miền quê mới*” trên thế giới nói chung, đặc biệt ở Đông Nam Á và ở Việt Nam nói riêng là hiện tượng phổ biến, khá mạnh mẽ của người Trung Hoa. Nó có lịch sử khá lâu dài, thường xuyên và được xuất phát do hoạt động thương mại, do hoàn cảnh kinh tế (*bởi: thiên tai hoặc chiến tranh gây ra*) hoặc gắn với quá trình xâm lược (*theo chính sách “mã lưu nhân”*) của các hoàng đế Trung Hoa hoặc mỗi khi đất nước này có biến động chính trị. Ở thương cảng Hội An, quá trình nhập cư và hình thành khối cộng đồng người Hoa có thể kể đến những nguyên nhân sâu xa và trực tiếp chủ yếu sau:

Từ cuối triều Nguyên, chính quyền Trung Quốc ra sức tìm cách thiết lập hệ thống kiểm soát vùng biển Nam Trung Hoa, dẫn tới chính sách cấm vận hàng hải (*Hải Jin 海禁 - Hải cấm*) nghiêm ngặt đến mức một tấc gỗ cũng không xuống biển (*Thốn bản bất hạ hải 寸板不下海*) của nhà Minh vào cuối thế kỷ 14 (*Đời Hồng Vũ thứ 4-1371*). Từ đó không một thương thuyền nào có thể đến Trung Quốc buôn bán nếu không có giấy phép chính thức của triều đình (*chỉ những nước thần phục nhà Minh mới được đến cảng của Trung Quốc*). Cuộc xuất dương của hạm đội Trịnh Hòa vào đầu thế kỷ XV thực chất cũng vẫn là nhằm kiểm soát tất cả những hoạt động thương mại đối với Trung Quốc và thiết lập độc quyền

kiểm soát việc buôn bán trên biển cho nhà Minh. Việc cấm vận của nhà Minh đối với các nước Đông Nam Á và Nhật Bản đã tạo nên nạn “*hải tặc*” (*muy khấu - 倭寇*) và vô số các nhóm buôn lậu trên biển. Một số Hoa thương cũng không được quyền trở lại Trung Hoa lục địa mà phải cư trú ở nước ngoài.

Ở Châu Âu bước vào thế kỷ XV, cùng với sự thành lập mạnh mẽ của các vương quyền thống nhất, đẩy nhanh sự phát triển sản xuất tư bản chủ nghĩa, đồng thời với nó, việc tìm kiếm thị trường đã trở thành yêu cầu bức xúc của các nước phương Tây. Dựa vào thành tựu rực rỡ của thời kỳ Phục Hưng ở Châu Âu là những tiến bộ khoa học kỹ thuật như: Thiên văn học, bản đồ học, khoa học hàng hải, kỹ thuật đóng tàu buồm... cùng với tinh thần phiêu lưu, mạo hiểm, sự khát khao thị trường... đã thúc đẩy các nhà hàng hải đồng thời cùng là thương nhân phương Tây cùng các giáo sĩ Dòng tên đi phát hiện những vùng đất mới thiết lập những thế chế thuộc địa. Những sự kiện trên đã mở ra thời kỳ mới cho các nhà thương nhân - hàng hải Âu Châu tha hồ căng buồm, vùng vẫy trên sóng nước Đại dương đến với các châu lục trên thế giới<sup>1</sup>. Trước sự ồ ạt xâm chiếm thị

<sup>1</sup> Đi tiên phong đến các nước Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á là người Bồ Đào Nha: Năm 1498 chiếm Calicut, rồi năm 1510 chiếm Goa của Ấn Độ; năm 1511 chiếm Malacca (*Malaysia*); năm 1521 lập thương điếm ở Malucu (*Indonesia*); năm



trường của các thương nhân, thực dân phương Tây vào khu vực Đông, Nam và Đông Nam Á nói trên, năm 1567 triều Minh Trung Quốc (đời vua Minh Mục Tông) đã buộc phải bãi bỏ cấm vận hàng hải, cho thương nhân xuất dương ra nước ngoài nhưng vẫn cấm giao thương với Nhật Bản, trong khi người Nhật rất cần một số mặt hàng có tính chất quân sự - kinh tế của Trung Quốc như: đồng, quặng sắt, diêm sinh, tơ sồng... Sự kiện trên dẫn đến hàng loạt thương nhân Trung Quốc đổ xuống khu vực Đông Nam Á để buôn bán với các nước trong khu vực (nhất là đối với thương nhân Nhật Bản). Mặt khác ở Nhật Bản, vào cuối thế kỷ XVI, sau hơn 200 năm nội chiến kéo dài, các thế lực giành được quyền thống trị, thống nhất đất nước ở Nhật Bản đều ra sức củng cố chính quyền và thực lực kinh tế. Từ tướng quân Toyotomi Hodeyshi (1536-1598) đến tướng quân Tokugawa Ieyasu (1542-1616)... đều chủ trương khuyến khích tàu buôn nước ngoài đến Nhật Bản và đồng thời cấp giấy phép

1542 đến Hirado (Nhật Bản); năm 1563 chiếm Áo Môn (Ma Cao - Trung Quốc). Tiếp theo là người Tây Ban Nha, Hà Lan... cũng lần lượt đặt chân lên các nước Á Đông vừa tiến hành buôn bán, lập thuộc địa vừa tiến hành truyền giáo.

cho các tàu Nhật Bản đi buôn ở nước ngoài. Trong đó, Nhật Bản đặc biệt quan tâm tìm kiếm thị trường - địa điểm buôn bán với thương nhân Trung Quốc nhằm trao đổi hàng hóa mà cả hai bên đều rất cần ở nhau.

Lúc này, Đàng Trong - Việt Nam, đặc biệt là xứ Quảng, sau những đợt tiến quân, di dân mở mang cõi bờ: của cha con Hồ Quý Ly (nhà Hồ) - năm 1402; của vua Lê Thánh Tông (niên hiệu Hồng Đức - nhà Lê) - năm 1470; và rồi với sự trấn nhậm xứ Thuận Quảng của Chúa Tiên (Nguyễn Hoàng) - năm 1558, sau đó năm 1570 vì mục tiêu cát cứ, dựng nghiệp lâu dài (Hoành Sơn nhất đới, vạn đại dung thân - 橫山一帶萬代容身) do mâu thuẫn sống - còn giữa 2 dòng họ (Trịnh - Nguyễn). Vùng đất này (Xứ Quảng) đã bước vào thời kỳ vận hội thăng hoa với vai trò là vị trí yết hầu hết sức quan trọng đối với sự nghiệp của các chúa Nguyễn. Nhằm tạo thế lực về kinh tế - chính trị - quân sự chống lại chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn đều thi hành nhiều biện pháp tích cực khai phá đất hoang, mở mang xóm làng, phát triển công thương nghiệp, đặc biệt khuyến khích ngoại thương phát triển bằng chính sách “nhu viễn nhân - 柔遠人”(mềm mỏng, khoan hòa đối với những người từ phương xa đến). Các lớp cư dân Việt vào đây, đã biết kế thừa những thành quả kinh tế của cư dân Champa, mặt khác biết khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của xứ sở để tạo dựng một nền kinh tế nội sinh đầy sức sống cả về văn hóa - xã hội. Chính sự phát triển kinh tế, trực tiếp là sự phát triển kinh tế hàng

hóa, cùng với chính sách mở cửa của chính quyền chúa Nguyễn là cơ sở, tác nhân bên trong rất quan trọng dẫn đến sự phát triển một loạt các đô thị thương cảng ở Đàng Trong. Chứng kiến các cảng khẩu ở Đàng Trong trong những năm 1618-1621, Borri đã viết “Về hải cảng thì thật là lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn một trăm dặm một chút mà người ta đếm được hơn 60 cảng, tất cả rất thuận tiện để cập bến và lên đất liền.”<sup>2</sup>. Sử biên niên năm 1572 cũng ghi nhận: “Chúa ở Trấn hơn 10 năm, chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang, nhân dân đều an cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp, thuyền buôn các nước đến nhiều, Trấn trở nên một nơi đô hội...”<sup>3</sup>. Trong các đô thị - thương

cảng ở Đàng Trong, phải kể đến Đô thị - thương cảng Hội An, thuộc xứ Quảng, bởi Hội An có vị trí địa lý hết sức thuận lợi: nằm ở cửa sông - ven biển, với Đại Chiêm Hải Khẩu - 大占海口 (Cửa Đại), ngoài khơi có Chiêm Bất Lao - 占不 (Cù Lao Chàm) trấn giữ, đồng thời là điểm tiên tiêu, nơi dừng chân của các thương thuyền trên con đường hàng hải quốc tế; lại nằm trên một vùng hạ lưu rộng lớn - Nơi hội tụ 3 nguồn sông (Thu Bồn - Vu Gia - Chiên Đàn)

<sup>2</sup> Borri, (C): Xứ Đàng Trong năm 1621, Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh năm 1998. Tr 91.

<sup>3</sup> Lê Quý Đôn (1977), Phủ biên tạp lục, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. Tr 72 -73.

của xứ Quảng và thông với Cửa Hàn - Đà Nẵng bởi con sông Đé Vông - Lộ Cảnh Giang. Có thể nói Hội An là mảnh đất “Nhân hòa - địa lợi” nhất Xứ Quảng - Đàng Trong lúc bấy giờ để phát triển kinh tế thương nghiệp - ngoại thương.

Xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản trên, từ cuối thế kỷ XVI, nhiều thương nhân Trung Quốc đã đến xứ Quảng - Đàng Trong và tập trung chủ yếu tại Hội An để trao đổi buôn bán. Mặt khác do chế độ gió mùa các thương nhân Trung Hoa phải “lưu đông”, lấy vợ Việt làm cơ sở lưu trú, buôn bán lâu dài. Được phép của các chúa Nguyễn - Đàng Trong họ đã tụ cư, lập phố. “Đường nhân phố - 唐人舖”



(cùng với “Nhật Bản phố - 日本舖” của thương nhân Nhật Bản). Như vậy, vào đầu thế kỷ XVII, một tổ chức xã hội của cộng đồng người Hoa đầu tiên ở Hội An được hình thành với nguyên nhân nhập cư cơ bản xuất phát từ hoạt động kinh tế (thương nghiệp). Sự kiện này được khẳng định bởi nhiều nguồn tư liệu, đáng lưu ý là ghi chép của Borri năm 1618: “Vì cho tiện việc hội chợ, chúa Nguyễn đã cho phép người Trung Quốc và Nhật Bản làm nhà cửa theo tỉ lệ với số người của họ để dựng lên một đô thị. Đô thị này gọi là Faifo và nó khá lớn. Chúng tôi có thể nói có hai thành phố, một của Trung Quốc và một của người Nhật Bản. Họ sống riêng

*biệt đặt quan cai trị riêng và theo phong tục tập quán của mỗi nước”.*<sup>4</sup>

Cũng vào đầu thế kỷ XVII, triều đình nhà Minh - 明 (*Trung Quốc*) đã đến giai đoạn suy tàn, nạn quan lại đũa nhau những nhiều khắp nơi. Vì vậy, phong trào nông dân khởi nghĩa liên tiếp xảy ra. Trước tình cảnh này, thương nhân, thợ thủ công và cả nông dân Trung Quốc ò ạt đi tìm con đường “*tha phương cầu thực*” chủ yếu ở phương Nam, trong đó có Hội An - nơi đây vốn đã có người Hoa cư trú. Tiếp theo là sự thất bại của triều đình nhà Minh trước sự xâm chiếm của người Mãn Thanh. “*Người nhà Minh*” bắt phục nhà Thanh đã kéo cả bộ thuộc ra đi tạo nên một làn sóng di cư mạnh mẽ khác bao gồm các “*thần dân*” nhà Minh (*di thần* - 遺臣) và quan lại triều đình nhà Minh (*cựu thần* - 舊臣) xuống phương Nam, Hội An cũng là điểm dừng chân quan trọng của đoàn người di cư tránh nạn này. Đây là làn sóng di cư lớn thứ hai của cư dân Trung Hoa đến Hội An xuất phát từ hoàn cảnh kinh tế và biến động chính trị. Với sự tiếp tục gia nhập mạnh mẽ của nhóm “*di cư*” mới và xuất phát từ nguyện vọng của một bộ phận di dân người Hoa cơ bản là các “*di thần*”, “*cựu thần*” nhà Minh và những người do nhiều hoàn cảnh đã quyết định lưu trú vĩnh viễn ở Hội An - Đàng Trong Việt Nam, mặt khác được phép của các chúa Nguyễn: cho tập hợp, lập làng, cư trú ổn định như những làng xã - thần dân của chúa Nguyễn Đàng Trong. Các yếu tố này, cùng với việc được cho phép của các Chúa Nguyễn đã thúc đẩy nhanh sự hình thành xã Minh Hương ở Hội An vào khoảng nửa giữa thế kỷ

XVII. Bên cạnh tổ chức xã Minh Hương còn có tổ chức của các kiều cư người Hoa do cư trú không ổn định hoặc nhiều lý do khác về thế lực kinh tế, chính trị họ đã không nhập quốc tịch Việt Nam, nghĩa là không nhập vào xã Minh Hương mà lập tổ chức các Bang riêng theo nguồn gốc quê quán từ mỗi tỉnh ở Trung Quốc sang, gồm 5 Bang: Phúc Kiến (福建), Triều Châu (潮州), Quảng Đông (廣東), Hải Nam (海南), Gia Ứng (嘉應). Và cả 5 bang có cơ quan điều hành chung là “*Dương Thương Hội quán* - 洋商會館” hay “*Trung Hoa Hội quán* - 中華會館” hay còn gọi tắt là Ngũ Bang 五邦 (5 Bang). Sau những làn sóng di cư chính ở trên, còn có các đợt di cư khác của người Trung Hoa đến Hội An trong các thế kỷ tiếp theo:

- Năm 1715: Đợt di dân ào ạt của người Minh dưới sự chỉ huy của Mạc Cửu,

- Năm 1840: Sau thất bại bởi chiến tranh nha phiến của nhà Thanh,

- Năm 1851: Sau phong trào Thái Bình Thiên Quốc thất bại,

- Năm 1911: Sau cuộc Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc,...

<sup>4</sup> Borri, (C): Sđd - tr 334.

Cộng đồng người Hoa nhập cư ở Hội An gồm nhiều tộc họ khác nhau.<sup>5</sup> Những tộc họ này có quê gốc từ nhiều địa phương khác nhau của vùng duyên hải Hoa Nam - Trung Quốc, chủ yếu ở các phủ huyện thuộc Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam, Triết Giang... Trong đó đông nhất là người có quê gốc Phúc Kiến, như theo ghi chép của thiền sư Thích Đại Sán trong “*Hải ngoại ký sự*” sau khi đến Hội An năm 1695: “*Chủ phố thấy là người Phúc Kiến, ăn mặc vẫn theo lối tiền triều*” (Nhà Minh)<sup>6</sup>. Điểm xuất phát của cộng đồng dân cư người Hoa từ Trung Quốc đến định cư sinh sống ở Hội An bao gồm nhiều nghề nghiệp, giai tầng xã hội khác nhau: thương nhân, buôn bán nhỏ, thợ thủ công, thầy thuốc, thầy lý số, lao động phổ thông và binh lính, quan lại, quý tộc, nho sĩ... Những tri thức, kinh nghiệm nghề nghiệp của họ vốn rất cần đối với các chúa Nguyễn ở Đàng Trong để phát huy tiềm lực kinh tế, quân sự, phục vụ ý đồ củng cố thế lực, mở mang cõi bờ, vì thế các chúa Nguyễn và kể cả các vua triều nhà Nguyễn sau này, đều đã sẵn sàng đón nhận, ưu đãi và trọng dụng họ bằng những chính sách: “*Tôn hiển - 尊賢*” đối với các danh sĩ, những người có kinh nghiệm quản lý thương mại, thông ngôn hay “*Lai bách công - 來百工*” (thu hút thợ trăm nghề đến với mình). Mặt khác, cộng đồng dân cư Người Hoa, được định cư trên một miền “*quê mới*” - Hội An - xứ



Quảng, Đàng Trong đương thời vốn có nhiều điều kiện hết sức thuận lợi về địa lý, kinh tế - xã hội ở khu vực Đông, Đông Nam Á để phát triển kinh tế công - thương nghiệp. Chính vì những lý do trên mà cơ cấu hoạt động ngành nghề của cộng đồng cư dân người Hoa tuy chủ yếu là: kinh doanh, buôn bán (thương mại) và thủ công nghiệp nhưng lại rất phong phú trên từng nghề cụ thể. Trên lĩnh vực hoạt động thương mại, ngoài hoạt động chính là bao mua, mại biện, mở cửa hiệu đại lý, buôn chuyến bằng ghe/thuyền đi khắp nơi... các dịch vụ hoạt động liên quan đến thương mại cũng rất phát triển như: cho thuê nhà, cho vay lấy lãi, dịch vụ giấy tờ, ăn uống, vui chơi giải trí...<sup>7</sup> Ngoài ra, nghề buôn bán thuốc Bắc, y dược cũng là một hoạt động chiếm tỉ lệ khá lớn

<sup>5</sup> Trong sổ đình năm 1788 của Minh Hương xã, chúng tôi thống kê được 83 họ trên 1063 dân đình. Nếu kể thêm những họ mới ở các sổ đình khác thì con số sẽ vượt trên 100 họ.

<sup>6</sup> Thích Đại Sán: *Hải ngoại ký sự*, bản dịch Viện Đại học Huế 1963, tr 154.

<sup>7</sup> Trong bảng kê năm 1787 của Lý Tam Bưu Vụ Minh Hương cho thấy các khoản thu công ích của xã chủ yếu dựa vào các dịch vụ này.

trong thành phần người Hoa. Trên lĩnh vực hoạt động thủ công nghiệp, người Hoa đã có mặt trong các Chu tượng (*hiệp thợ đóng thuyền*), Chú tượng (*hiệp thợ đúc đồng*), Ngân tượng (*hiệp thợ chế tạo đồ bạc*), Diêm hộ (*các hộ làm muối*), Liêm (*Kim*) hộ (*các hộ làm vàng*)...<sup>8</sup> Đặc biệt, một bộ phận lớn người Hoa lập nghiệp tại phố Hội An hoặc các thị tứ trong xứ Quảng để hoạt động kinh doanh, buôn bán, do có kinh nghiệm trên lĩnh vực này đã được chúa Nguyễn cấp châu bằng giao đảm nhận các công việc ở Ty Tầu vụ như kiểm soát thuyền buôn các nước, cân đo, định giá hàng hóa, thông ngôn... Một số người được phong chức cai phủ tàu hoặc được giao những trọng trách liên quan đến hoạt động thương mại, kinh tế, quân sự. Sự kết hợp giữa thế lực kinh tế và quyền lực chính trị của một số người Hoa giàu có được thể hiện ở chỗ họ vừa giàu có, giỏi buôn bán đồng thời cũng là những chức dịch của xã hoặc của chính quyền địa phương.<sup>9</sup> Điều đáng chú ý trong thành phần người Hoa, qua các gia phả cho chúng tôi thấy: khi đến Hội An, các Hoa kiều đều không mang theo vợ con. Họ đến và lấy một hoặc một số bà vợ địa phương để giúp việc buôn bán, trông coi gia sản, nuôi dạy con cái... Những bà vợ này đã giúp chồng một cách đắc lực trong việc mở mang kinh doanh tạo lập gia sản và nội trợ. Một số gia phả cho thấy vai trò của những bà

vợ địa phương này rất quan trọng đối với gia đình chồng, ngay cả khi người chồng đã qua đời. Về sau, từ thế kỷ XVIII quan hệ hôn nhân gia đình giữa người Hoa với các cư dân địa phương diễn ra khá phổ biến, tự nhiên. Một số gia phả tộc họ ở các làng Hội An, Cẩm Phô, Thanh Hà, Sơn Phô đều ghi lại hiện tượng lấy vợ, gả chồng là người Hoa. Ngược lại gia phả các tộc người Hoa cũng cho thấy có những chú rể, cô dâu là người làng - xã xung quanh Hội An hoặc xa hơn như Thuận Hóa, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Gia Định, Nam Định, Bắc Thành... Việc quan hệ này đã được vua Minh Mạng thừa nhận năm 1829 trong quy định bổ sung, sửa đổi luật Gia Long là: Người Hoa lấy vợ Việt, sinh con ra là người Việt gốc Hoa nhưng vẫn là dân Minh Hương. Về dân số người Hoa thời kỳ đầu không rõ là bao nhiêu, có tài liệu ghi lên đến 6.000 người.

Về địa bàn cư trú, khi những nhóm cư dân người Hoa đầu tiên đến xứ Quảng - Đàng Trong nhập cư thì chủ nhân khai phá của mảnh đất này - cư dân Việt, vốn là cư dân nông nghiệp, đánh bắt thủy hải sản từ phía Bắc, Bắc Trung Bộ Việt Nam vào đã chiếm lĩnh hầu hết vùng đồng bằng, những phần đất bồi có địa thế rộng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp hoặc trên những giải cát dọc bờ biển tựa vào bãi bồi ven sông để cư trú, đánh bắt thủy hải sản, trồng hoa màu (*lập làng chài*) và nhìn chung hệ thống tổ chức làng xã đã bước vào thời kỳ ổn định, phát triển, “*an cư lạc nghiệp*”. Cho nên, cộng đồng người Hoa, vốn là dân di tản, ngụ cư, đến sau, chỉ còn cách bám theo những dải, mòm

<sup>8</sup> Trong sổ kê dân đình Minh Hương năm 1788, thành phần dân cư Minh Hương trong các hiệp thợ này chiếm 185/1063 người (17,4%).

<sup>9</sup> Sổ đình năm Thái Đức 11 (1788) cho thấy số hương quan, hương chức của xã lên đến 506/1063 người (46,6%).

đất bồi nhỏ hẹp, sát mép bờ những con sông hoặc ngay trên điểm giao lưu, hợp lưu của các nguồn sông gần cửa biển để cư trú. Đây là những điểm cư trú nhỏ hẹp, không ổn định, ngoại trừ vùng hạ lưu, nằm bên bờ Bắc sông Thu Bồn - tức khu phố cổ Hội An hiện nay. Mặt khác, khá quan trọng hơn là do tính chất hành nghề buôn bán: mại biện, đại lý, bao mua và hoạt động thủ công nghiệp mà những địa bàn này lại là những điểm cư trú thích hợp với cộng đồng người Hoa. Từ những lý do trên có thể nói, địa bàn cư trú của người Hoa về cơ bản được phân bố rải rác dọc theo hai bên bờ sông, gần cửa biển. Đáng lưu ý ở xứ Quảng là các điểm cư trú ở Thăng Bình, Trà My, Trà Kiệu, Trà Nhiêu, Trung Phường, Thanh Hà, Phú Chiêm, Kim Bồng... Trong đó điểm cư trú thuận lợi, bền vững, ổn định và đóng vai trò trung tâm quan trọng nhất đó là điểm thuộc một phần lớn ở khu phố cổ Hội An hiện nay. Ngoài ra, họ còn có mặt tại nhiều thôn xã thuộc dinh Quảng Nam, rồi phố Thanh Hà (*Thuận Hóa*) và ở các châu, xã, huyện, phủ của Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận, Gia Định<sup>10</sup>. Địa bàn cư trú của họ tuy hẹp nhưng lại được lan tỏa khắp nơi, bao gồm các ngõ nguồn miền núi như nguồn Thu Bồn, Vu Gia, cho đến các Cù Lao ven biển như Cù Lao Chàm, Cù Lao Rí (*Lý Sơn - Quảng Ngãi*). Chính sách cho phép “*hòa nhập*” của các chúa Nguyễn chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến

việc người Hoa nhanh chóng ổn định cuộc sống trong các thôn xóm người Việt và hòa nhập một cách tự nhiên, không cưỡng bách với cư dân bản địa, cùng với quan hệ hôn nhân (*với những người phụ nữ Việt*) họ đã trở thành một bộ phận cư dân không thể tách rời của cộng đồng cư dân Hội An nói riêng, xứ Quảng Đà Nẵng nói chung.

Về cơ cấu tổ chức xã hội của cộng đồng người Hoa, trước hết đối với tổ chức của người Hoa Minh Hương, có thể nói đặc điểm xuyên suốt nhiều thế kỷ là bộ máy hành chính của xã được tổ chức theo kiểu “*Hội đồng xã vụ - 會同社務*” gồm nhiều đại diện. Đứng đầu xã là cai xã - 該社, có vai trò như người trung gian giao dịch giữa xã với chính quyền sở tại. Do vậy, cai xã thường là những người đang làm quan ở các nha sở hoặc Ty tàu vụ. Từ nửa sau thế kỷ XVIII, vai trò của người cai xã này ít được đề cập đến trong các văn bản mà nổi trội là vai trò của tổ chức “*Đại lý xã vụ - 代理社務*”, gồm các hương lão - 老, hương trưởng - 長 - những người trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động của xã. Số lượng hương lão, hương trưởng trong tổ chức này khá đông.<sup>11</sup> Tổ chức “*Đại lý xã vụ*” thực chất là một hội đồng điều hành hợp bởi những người có uy tín, có tài sản, có năng lực và có công lao đối với xã, trong đó hương lão có vai trò như cố vấn còn hương trưởng là những

10 Tư liệu KH: A11 - MH, A15-MH, hiện lưu trữ tại Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hoá Hội An

<sup>11</sup> Tầm bia trùng tu miếu Quan Công năm 1753 ghi lại danh sách chức sắc của xã gồm một cai xã, 4 hương lão, 16 hương trưởng. Lần trùng tu năm 1783 danh sách chức sắc của xã gồm 6 hương lão, 6 hương trưởng (*trường hợp một số người lần trùng tu trước là hương trưởng, đến lần này là hương lão*).

người trực tiếp điều hành. Do có nhiều hương lão, hương trưởng trong hội đồng nên quyền lực được dàn trải và muốn đi đến thống nhất phải có công nghị.<sup>12</sup> Dưới “*Tổ chức xã*” có nhiều “*phụ thuộc*” gọi là “*Lân - 鄰*”.

Đứng đầu các “*Lân*” giúp cho các hương trưởng quản lý xã dân là các Giáp 甲. Về sau có thêm các chức Chính trưởng, Phụ trưởng. Đến thời Minh Mạng, để quản lý phổ hộ, buôn bán (*Phường buôn - hàng phố*) có thêm các chức Chánh trưởng hàng, Phó trưởng hàng và Thư ký (*thơ*). Các chức này đều do Hội đồng hương lão, hương trưởng bổ nhiệm, riêng thư ký thì do chánh, phó trưởng hàng cử ra. Đối với cộng đồng người Hoa không nhập quốc

riêng, đó là tổ chức Bang và sinh hoạt trong các Hội quán. Bang là một tổ chức tự quản nhằm giúp đỡ nhau trên thương trường, buôn bán và quan hệ, giao dịch với chính quyền cấp trên và sở tại. Bang có Hội đồng Bang trưởng do dân trong bang bầu ra, đứng đầu là Bang trưởng, tiếp theo là các ủy viên phụ trách từng công việc và trụ sở của Bang đóng tại Hội Quán. Các Hoa kiều có cùng quê/ địa phương ở Trung Quốc đến cư trú tại Hội An thì sinh hoạt tại Bang - Hội quán riêng như: Phúc Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Hải Nam (*riêng người Gia Ứng do số người quá ít nên sinh hoạt chung trong Bang - Hội quán cùng với người Hải Nam*). Trong 5 Bang có một Hội quán chung và cùng



tịch Việt Nam - tức là Hoa kiều (*không phải người Minh Hương*) thì được phép của chính quyền họ có tổ chức tự quản

<sup>12</sup>Một số ghi chép trong trong thế kỷ XVIII cho thấy hàng năm xã vụ Minh Hương thường tổ chức một số lần công nghị để giải quyết các việc đối nội, đối ngoại của xã và trong các văn bản pháp lý thường có nhiều hương lão, hương trưởng cùng đứng tên.

bầu ra một Bang trưởng, sau này gọi là Chủ tịch Ngũ/5 Bang hay còn gọi là Trung Hoa lý sự trưởng và các ủy viên (*các ủy viên thường cơ cấu ít nhất mỗi Bang 1 người*). Trụ sở Ngũ bang đóng tại Dương Thương hội quán, còn gọi là Trung Hoa Hội quán hay Chùa Ngũ Bang. Mỗi Bang/Hội quán đều có quy



định, điều lệ quản lý riêng. Có thể nói, các Hội quan (*mà ở đây hay gọi là Chùa*) vừa là cơ quan hành chính của tổ chức Bang, đồng thời vừa là trung tâm tín ngưỡng, điểm sinh hoạt kinh tế - văn hóa cộng đồng. Như vậy, các Hội quan có chức giống như các ngôi Đình làng của người Việt. Các tổ chức quản lý của người Hoa dưới thời các Chúa Nguyễn cũng như các vua triều nhà Nguyễn sau này đều được cấp châu bằng thuận cho “*đặc cách*” riêng: Trực lệ Quảng Nam Dinh/Tỉnh, không phụ thuộc hoặc chịu sự quản lý của tổ chức hành chính Tổng - phủ - huyện như các làng xã người Việt và có những “*đặc ân*” riêng: phối hợp với các nha sở, Ty tàu vụ kiểm soát tàu buôn các nước, cân đo định giá hàng, thông ngôn... được chuần miễn việc tuần ty chợ, đò, phu phen, tạp dịch.

Về sinh hoạt văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng của người Hoa ở Hội An thể hiện rõ sự giao lưu hòa nhập sâu sắc giữa hai truyền thống văn hóa Hoa - Việt. Người Hoa hầu hết khá thông thạo tiếng Việt và càng về sau tiếng Việt trở thành ngôn ngữ chính của cộng đồng trong giao tiếp, giao dịch. Các văn bản vào thế kỷ 18 cho thấy người Hoa đã tiếp cận với chữ Nôm nhất là ở tầng lớp quan lại, chức sắc. Một số người làng Minh Hương đã học hành, thi đỗ cử nhân, tú tài và thâm nhập sâu vào lĩnh vực học thuật. Giữa cuối thế kỷ 19, miếu Văn chỉ của xã Minh Hương đã được xây dựng để biểu dương việc học. Lối sống phố thị đã cùng người Hoa phát triển ở Hội An và lối sống này có ảnh hưởng đậm nét đến việc xây dựng nhà phố, đến nếp ăn, ở, mặc của cư dân

địa phương. Một số hình thức sinh hoạt văn hóa có nguồn gốc từ các vùng Nam Trung Hoa đã được người Hoa mang đến và phổ biến tại Hội An như diễn Tuồng Tàu; các điệu múa nghi lễ, múa lân, một số trò chơi như Xăm hương, Tam cúc, Tứ sắc,... Bên cạnh các hình thức tín ngưỡng mang từ quê gốc qua; người Hoa cũng đã tiếp thu một số hình thức tín ngưỡng của người Việt trong việc xây dựng các thiết chế tôn giáo - tín ngưỡng, tổ chức các ngày lễ lễ, lễ hội... gắn với thiết chế thờ tự như: Tổ đình hay sau này là Truy viễn đường, Tụy tiên đường, Hội quán thể hiện tâm thức nhớ về cội nguồn; nhớ ơn những người có công, khai phá, lập nghiệp và các vị thần phò trợ trên biển... Hay Thiên hậu Thánh mẫu, Sinh thai Tiên nương, Bảo sanh đại đế,... nói lên ước mơ về sự bình an, thịnh vượng, sinh sôi nảy nở: Cũng như người Việt, người Hoa còn xây dựng một số chùa, miếu để thờ Phật, các bậc thần, thánh... như Minh Hương phật tự, miếu Quan công, miếu Ngũ hành, Nghĩa Từ, Tín Nghĩa... đề cao tinh thần trung - tín - tiết - nghĩa; quan niệm “*Tín giao Nghĩa hiệp*” của cộng đồng người Hoa.<sup>13</sup> Trong mỗi gia đình, tộc họ còn có ngày lễ kỵ ông bà tổ tiên, hay tục thờ Bà Chúa Tiên, Thần Tài, Ngũ tự, Tổ nghề..., hoặc lễ tết Nguyên Đán, Nguyên Tiêu, Thanh Minh, Đoan Ngọ, Trung Thu, Trùng Cửu... với nhiều lễ tục phong phú mang nét đặc trưng. Đặc biệt, những ngôi nhà ở - buôn bán, với những sinh hoạt, nếp sống, ứng xử, tin

<sup>13</sup> Theo một số bản ghi chép về các ngày lễ lễ của cộng đồng người Hoa trong thế kỷ XVIII chúng tôi thấy chúng được dàn trải suốt năm và lên đến con số 23 kỳ lễ lễ.

ngưỡng, âm thực... truyền thống của cộng đồng người Hoa đã trở thành di sản quý giá trong quần thể kiến trúc khu phố cổ Hội An.

Sự hình thành và phát triển của cộng đồng người Hoa ở Hội An với vai trò là bộ phận dân cư quan trọng đứng thứ 2 (*sau người Việt*) trong cộng đồng dân cư Hội An, đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cho thương cảng quốc tế Hội An phát triển thịnh vượng, nổi tiếng ở Khu vực Đông Nam Á suốt các thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX. Hơn nữa, trải qua quá trình hội nhập, giao lưu, tiếp biến các thành tố văn hóa vật thể và phi vật thể ở Hội An đã trở thành di sản với những giá trị độc đáo của nhân loại - đó là Di sản văn hóa Thế giới Hội An.